

## Lời nói đầu

Văn-chương bình-dân Việt Nam gồm có ca dao, tục ngữ, ngạn ngữ, phương ngôn, thành ngữ, vè, chầu văn,... và nhiều loại hò như : hò mái nhì, hò mái đẩy, hò xay lúa, hò giã gạo, hò ô, hò kéo lưới, hò kéo gỗ, hò đưa linh, v.v..

Trong cuốn sách nhỏ này, chúng tôi chỉ sưu tầm tục ngữ và thành ngữ. Công việc sưu tầm tuy không khó khăn, nhưng thời gian kéo dài hơn nửa thế-kỷ. Từ thời còn cắp sách đi học, qua thời-gian làm thầy giáo, đến thời-kỳ chiến-tranh đi lính, đi đến đâu, hể biết được, nghe được những câu tục ngữ, thành ngữ hay, cũng ghi chép.

Thành ngữ và tục ngữ Việt Nam rất phong phú. Ngoài những câu tục ngữ, thành ngữ phổ thông chung cho cả nước; mỗi vùng, mỗi tỉnh, mỗi làng hay mỗi thành phần giai cấp trong xã hội đều có tục ngữ, thành ngữ riêng. Trải qua nhiều thế-hệ, tục ngữ, thành ngữ càng ngày càng phong phú hơn. Chúng tôi chỉ chọn lựa những câu tục ngữ, thành ngữ được phổ biến rộng rãi trong quần-chúng.

Trong thời-gian chiến-tranh gần đây, có một số ít người cho rằng những câu như: *Hồng hơn chuyên; Trung với Đảng; Mừng Đảng mừng Xuân; Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ; Cán-bộ là đầy tớ của dân*, v.v. là tục ngữ, là thành ngữ. Theo chúng tôi thì những câu này là những khẩu hiệu mang tính cách tuyên truyền, chứ không phải là tục ngữ, thành ngữ theo đúng nghĩa của nó.

Tục ngữ, thành ngữ hình thành trong dân gian và được lưu truyền trong dân gian. Nó không phải là những câu văn viết ra theo mệnh lệnh của triều đình hay của một tổ chức nào. Hơn nữa, chúng tôi không sưu tầm loại ngôn-ngữ này, vì dễ bị đụng chạm đến chính-trị.

Có một số tục ngữ, thành ngữ Pháp đã được việt-hóa. Ví dụ: "*Ăn để mà sống, chứ không phải sống để mà ăn*" (Manger pour vivre, non pas vivre pour manger); "*Sau cơn mưa, trời lại sáng*" (Après la pluie, le beau temps); "*Hãy tự giúp mình, trời sẽ giúp cho*" (Aide toi, le ciel t'aidera); "*Thùng rỗng kêu to*" (Les tonneaux vides font beaucoup de bruit); "*Nợ máu phải trả bằng máu*" (Le sang appelle le sang).

Cũng có nhiều câu tục ngữ, thành ngữ Trung Hoa được việt-hóa. Ví dụ: "*Vợ mới cưới không bằng đi xa về*" (Tân thú bất như viễn quy); "*Vạ bởi miệng ra, bệnh chẳng qua bởi miệng vào*" (Bệnh tự khẩu nhập, tội tự khẩu xuất); "*Không đội trời chung*" (Bất cộng đái thiên).

Hai loại tục ngữ, thành ngữ Pháp và tục ngữ, thành ngữ Trung Hoa được việt-hóa phổ-biến trong giới trung-lưu trí-thức chịu ảnh-hưởng văn hóa Pháp hay văn hóa Trung Hoa.

Ngoài ra, còn có rất nhiều câu tục ngữ, thành ngữ Hán-việt do các nhà nho lưu truyền lại, trong đó có nhiều câu tục ngữ, thành ngữ gốc Trung Hoa. Loại tục ngữ, thành ngữ này chỉ phổ biến trong giới trí-thức Việt Nam chịu ảnh-hưởng văn-hóa Trung Hoa, quần-chúng Việt Nam không thể nào hiểu được. Tuy vậy, nó là một phần

trí-tuệ của người Việt Nam nên chúng tôi ghi chép và cố gắng giải-thích ngắn gọn.

Tục ngữ, thành ngữ Việt Nam là một phần của văn-chương bình dân Việt Nam, là một phần quý báu của văn hóa phi-vật-chất Việt Nam, xin gởi lại cho các thế-hệ mai sau.

Bửu Biền  
Paris, 2014

## Phần I

# Tục ngữ, thành ngữ

Năm 1994, cuốn "*Tục ngữ, Ca dao, Dân ca Việt Nam*" đã được Vũ Ngọc Phan sửa chữa và xuất bản lần thứ mười. Trong cuốn sách này, Vũ Ngọc Phan định nghĩa tục ngữ như sau: "*Tục ngữ là một câu tự nó diễn trọn vẹn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một luân lý, một công lý, có khi là một phê phán.*"

(*Tục ngữ, Ca dao, Dân ca Việt Nam*. Trang 39, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1994, Hà Nội)

Từ câu định-nghĩa đó, chúng tôi có nhận-định:

*Tục* là thói quen đã có từ lâu đời, *ngữ* là lời nói. Thế mà trong định-nghĩa tục ngữ của Vũ Ngọc Phan, đã được sửa chữa và xuất bản lần thứ mười, lại không hề nói đến ý nghĩa của từ tục ngữ.

*Tục ngữ* không đồng nghĩa với *một câu tục ngữ*.

Hơn nữa, nếu một người nào đó viết hay nói một câu "*diễn tron vẹn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một lý luận, có khi là một phê phán*", thì câu đó cũng không phải là một câu tục ngữ, vì nó không phải là lời nói của người xưa được lưu truyền lại đến ngày nay.

Thành ngữ cũng được Vũ Ngọc Phan định nghĩa như sau: "*Thành ngữ là một phần câu sẵn có, nó là một bộ phận của câu mà nhiều người đã quen dùng, nhưng tự riêng nó không diễn được một ý trọn vẹn.*"

(*Tục ngữ, Ca dao, Dân ca Việt Nam*. Trang 39, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1994, Hà Nội).

Trái với định nghĩa của Vũ Ngọc Phan, chúng tôi cho rằng mỗi một thành ngữ, tự nó diễn đạt được một ý nghĩa trọn vẹn.

Ví dụ:

"*Dốt đặc cán mai* ", tự nó có một ý nghĩa trọn vẹn.

"*Miếng hùm nọc rắn* ", tự nó có một ý nghĩa trọn vẹn.

"*Tiền rừng bạc bể* ", tự nó có một ý nghĩa trọn vẹn.

Một nhận xét khác nữa là thành ngữ không phải là *một phần câu sẵn có*, cũng không phải là *một bộ phận của câu mà nhiều người đã quen dùng* như Vũ Ngọc Phan đã nói. Thành ngữ là những tập hợp từ (cụm từ) có ý nghĩa, được lưu truyền trong dân gian, được nhiều người

dùng để bày tỏ ý tưởng của mình; nó không phụ thuộc vào một câu có sẵn nào cả, nó không phải là một bộ phận của một câu nào cả.

\*

Học giả Dương Quảng Hàm định-nghĩa : "Tục-ngữ là những câu nói gọn-ghe và có ý nghĩa lưu-hành từ đời xưa, rồi do của miệng người đời truyền đi."

Thành ngữ cũng được học giả Dương Quảng Hàm định-nghĩa như sau: "Thành-ngữ là những lời nói do nhiều tiếng ghép lại đã lập-thành sẵn, ta có thể mượn để diễn-đạt một ý tưởng của ta khi nói chuyện hoặc viết văn."

(Việt Nam Văn Học Sử Yếu. Trang 5 và trang 8. Dương Quảng Hàm. Bộ Giáo dục, Trung-tâm học-liệu xuất-bản, 1968, Sài-Gòn).

Như vậy, tục ngữ là những câu ngắn gọn, có ý nghĩa của người xưa được lưu truyền lại và thành ngữ là những tập hợp từ có ý nghĩa, được nhiều người dùng để bày tỏ ý tưởng của mình khi nói chuyện hay khi viết văn.

"Tục ngữ còn gọi là ngôn ngữ, vì chữ ngôn nghĩa là lời nói của người xưa truyền lại".

(Việt Nam Văn Học sử yếu. Trang 5. Dương Quảng Hàm. Nhà xuất bản Bộ Giáo dục, Trung Tâm Học liệu, 1968, Sài-Gòn).

## **AI Tục ngữ**

**Tục ngữ là những câu ngắn gọn có ý nghĩa của người xưa được lưu truyền lại.**

Có ba loại tục ngữ:

1) Những câu văn xuôi ngắn gọn, được quần chúng cho là chí-lý, rồi truyền miệng lâu ngày mà trở thành tục

ngũ. Thông thường, tục ngữ là những câu văn xuôi có vần, có điệu, dễ nói, dễ nghe, dễ nhớ.

Ví dụ :

- *"Bé thì nhờ mẹ nhờ cha, lớn lên nhờ vợ, lúc già nhờ con "*.

- *"Phép vua thua lệ làng"*.

- *"Mẹ dạy thì con khéo, cha dạy thì con khôn "*.

2) Những câu ca dao được quần chúng cho là những lời khuyên nhủ đúng đắn, rồi truyền miệng lâu ngày mà trở thành tục ngữ.

Ví dụ:

- *"Ai ơi, chớ bỏ ruộng hoang, bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu "*.

- *"Tháng giêng là tháng ăn chơi, tháng hai trồng đậu, tháng ba trồng cà "*.

- *"Đi cho biết đó biết đây, ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn"*.

3) Loại thứ ba là những câu thơ của một tác giả nào đó, được quần chúng cho là hợp lý, rồi truyền miệng lâu ngày mà trở thành tục ngữ.

Ví dụ:

*"Thương người như thể thương thân "*.

(*Gia huấn ca*. Nguyễn Trãi)

*"Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều "*.

(*Truyện Kiều*. Nguyễn Du)

Không phải tất cả các câu ca dao hay các câu thơ cổ đều là những câu tục ngữ. Một câu ca dao hay một

câu thơ cổ trở thành một câu tục ngữ phải có đủ ba yếu tố:

- phải là một câu ngắn gọn;
- phải có ý nghĩa;
- phải là lời nói của người xưa được lưu truyền lại.

\*

Ngày nay, nhiều câu tục ngữ có ngụ ý khuyên nhủ của người xưa không còn hợp thời nữa. Tuy vậy, chúng tôi vẫn ghi chép để thấy được cái giá-trị tư-tưởng, đạo-lý của con người thay đổi theo thời-đại, thay đổi theo từng địa-phương hoặc thay đổi theo chế-độ xã-hội.

Nhiều câu tục ngữ có ý nghĩa đối nghịch nhau.

Ví dụ 1:

- "*Chúa chồng đi dọc đi ngang, có chồng củ thẳng một đàng mà đi.*"

- "*Có chồng càng dễ chơi ngang, đẻ ra con thiếp con chàng con ai ?*"

Ví dụ 2:

- "*Có duyên lấy được chồng già, ăn xôi bỏ chày, ăn gà bỏ xường !*"

- "*Vô duyên lấy phải chồng già, ra đường người hỏi rờng cha hay chồng ?*"

Ngày xưa, chữ nôm và chữ quốc ngữ chưa được phổ biến rộng rãi trong quần-chúng. Vì vậy, có nhiều câu

tục ngữ đã thay đổi theo cảm hứng của từng người hay thay đổi theo ngôn-ngữ địa-phương.

Ví dụ 1 :

- "Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể, con nuôi cha mẹ con kể từng ngày".

- "Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng, con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày".

Ví dụ 2 :

- "Tay búng đĩa muối, tay bộ sàng rau, thủy chung như rúa, sang giàu mặc ai".

- "Tay nâng chén muối đĩa gừng, gừng cay muối mặn, xin đừng quên nhau".

Tục ngữ Việt Nam hình thành trong dân gian và phổ biến trong dân gian. Thông thường tục ngữ Việt Nam chú trọng hai lãnh vực :

- Quan hệ giữa người với người,
- Liên hệ giữa con người với thiên nhiên.

Vài ví dụ:

#### I. - Quan hệ giữa người với người

\* Giáo dục :

- "Ăn bớt đọi, nói bớt lời".
- "Ăn có nhai, nói có nghĩ".
- "Thắng không kiêu, bại không nản".

\* Lịch sử :

- "Con ai đem bỏ chùa này, nam-mô di-phật con thầy thầy nuôi".



Uẩn)

- *"Gió đưa cây cải về Trời, rau răm ở lại chịu lời đắng cay "*.

(Vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu, Hoàng Phi Nguyễn Thị Kim ở lại)

- *"Chim quyền đào đất ăn trùn; anh hùng lỗ vận, lên nguồn đốt than "*.

(Sử tích danh tướng Trần Khánh Dư đời nhà Trần).

\* Quốc gia, dân tộc :

- *"Bầu ơi, thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn "*.

- *"Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng "*.

- *"Tranh quyền cướp nước làm chi, coi nhau như bát nước đầu thì hơn "*.

\* Phong tục tập quán :

- *"Một miếng giữa làng bằng một sàng trong bếp "*.

- *"Phép vua thua lệ làng "*.

- *"Cao nắm ấm mồ "*.

\* Gia đình :

- *"Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra "*.

- *"Anh em như thể tay chân, anh em hòa thuận hai thân vui vầy"*.

- "Có cha có mẹ thì hơn, không cha không mẹ như  
đờn đứt dây".

\* Hiếu thảo:

- "Đêm đêm thấy ngọn đèn trời, cầu cho cha mẹ sống  
đời với con".

- "Ba đồng một khúc cá buôi, cũng mua cho đặt để  
nuôi mẹ già".

- "Bùi ngùi nhớ mẹ thuở xưa, miệng nhai cơm búng,  
lưỡi lừa cá xương".

\* Vợ chồng :

- "Chồng giận thì vợ bớt lời, cơm sôi bớt lửa mấy đời  
cơm khô".

- "Chồng khôn vợ được đi hài, vợ khôn chồng được  
**ghe** ngày cày trồng".

[**ghe** (từ cổ) : nhiều].

- "Cá thia quen chậu, vợ chồng quen hơi".

\* Tình duyên trai gái :

- "Yêu nhau mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội,  
mấy đèo cũng qua".

- "Thuởng nhau bất luận giàu nghèo, dù cho lên ải  
xuống đèo cũng cam".

- "Chim khôn lựa nhánh lựa cành, gái khôn lựa chọn  
trai lành gỏi thân".

\* Thân phận đàn bà :

- "Còn duyên kẻ đón người đưa, hết duyên đi sớm về khuya một mình".

- "Mẹ già tham việc tiếc công, cầm duyên con lại, thu đông mãi rồi".

- "Thân em như tấm lụa đào, phất phơ giữa chợ biết vào tay ai".

\* Trọng nam khinh nữ :

- "Dầu khôn cũng thể đàn bà, dầu rằng vụng dại cũng là đàn ông".

- "Một trai kể là có, mười gái kể như không".

- "Có ông mới gọi rằng bà; không ông, ta gọi mẹ già đi mô?".

\* Giai cấp :

- "Chẳng ngon cũng bánh lá dong, tuy rằng xấu xí cũng dòng con quan".

- "Con vua thì lại làm vua, con nhà kẻ khó bắt của tối ngày".

- "Con thím thì đánh nhả cốm ra, con ông con bà thì tha không đánh".

\* Giàu, nghèo, sức mạnh của đồng tiền :

- "Có tiền mua tiên cũng được".

- "Nhà giàu đứt tay bằng ăn mày đồ ruột".

- "Cha đòi cái áo rách này, mất chúng mất bạn vì may áo ới".

\* Kinh nghiệm, kiến thức :

- "Cá tuổi thì xem lấy mang, người khôn xem lấy hai hàng tóc mai".

- "Bắt lợn tóm giò, bắt bò tóm mũi".

- "Canh bầu thì nấu hành hao, bí ngô nấu tỏi, bí đao nấu hành".

\* Tâm lý :

- "Yêu nhau yêu cả đường đi, ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng".

- "Chỗ quê hương là đẹp hơn cả".

- "Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm".

\* Thức thời :

- "Đi với Bụt mặc áo cà-sa, đi với ma mặc áo giấy".

- "Ăn cơm lừa thóc, ăn cóc bỏ gan".

- "Ăn nhịn qua ngày, ăn vay mắc nợ".

\* Lý sự :

- "Biết ai giàu ba họ, biết ai khó ba đời".

- "Có thực mới vực được đạo".

- "Ai biết uốn câu cho vừa miệng cá".

\* Không tốt :

- "Ăn chó cả lông, ăn hồng cả hạt".

- "Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng".

- "Có hoa sói, phụ hoa ngâu".

\* Đức hạnh :

- "Đường mòn, ân nghĩa không mòn".

- "Yêu nhau, yêu cả một đời".
- "Gỗ già dăm cứng khó bào, người khôn mắc nạn không nao núng lòng".

\* Tham lam :

- "Tham thì thâm, làm thì thiệt".
- "Tham thì thâm, đa dâm thì chết".
- "Máu tham hể thấy hơi đồng thì mê".

\* Khò dại :

- "Thế gian còn dại chưa khôn, sống mặc áo rách, chết chôn áo lành".
- "Dạy dĩ vén xống, dạy ông cống vào tràng, dạy bà lang bốc thuốc".
- "Phượng hoàng cắt cánh đuổi đi, bắt con bìm bịp đem về mà nuôi".

\* Nhận xét :

- "Chị em dâu như bầu nước lã".
- "Chim khôn đậu nóc nhà quan, gái khôn tìm chồng ở chốn ba quân".
- "Chim khôn lựa cành làm tổ".

\* Thuởng, ghét :

- "Khi thuởng, cho đường thêm bánh; khi ghét, tay đánh miệng la".
- "Khi thuởng, ngóng trông lâu lâu; khi ghét, mặt quạu làm ngờ".
- "Khi thuởng, trái ấu cũng tròn; khi ghét, bồ-hòn cũng méo".

\* Ông Trời :

- "Ai bỏ cha mẹ cố hàn, ngày sau Trời phạt đứng đàng ăn xin".
- "Của Trời tám vạn nghìn tư, hễ ai có phúc thì Trời ban cho".
- "Biết mệnh Trời, mười đời chẳng khó".

\* Tướng :

- "Cái mồm toác hoác, chẳng ác cũng thâm".
- "Đàn bà lạnh lạnh tiếng đồng, một là sát chồng, hai là sát con".
- "Đàn ông rộng miệng thì sang, đàn bà rộng miệng tan hoang của nhà".

\* Số :

- "Cây khô tưới nước cũng khô; phận nghèo đi tới nơi mô cũng nghèo".
- "Số giàu, lấy khó cũng giàu; số nghèo, chín đụn mười trâu cũng nghèo".
- "Số giàu nó đến dửng dưng, lọ là thức sớm làm khuya mới giàu".

\* Mê tín dị đoan :

- "Chó đi ngày bảy, chó về ngày ba".
- "Mồng năm, mười bốn, hăm ba, đi chơi cũng lỗ huống là đi buôn".
- "Bố thí giờ Thìn, ăn xin giờ Tỵ".

\* Giễu cợt, hài hước :

Những câu tục ngữ giễu cợt, hài hước cho ta thấy được cái hay, cái dở, cái tốt, cái xấu. Đây cũng là một cách khéo léo khuyên nhủ nên tránh những điều xấu, chọn điều tốt.

- "Anh có tiền cho em mượn ít đồng, mua gan công, mật cóc thuốc chồng, theo anh".

- "Ba đồng một chục đàn ông, đem về ta bỏ vào lòng ta chơi".

- "Mẹ ơi, con muốn lấy chồng; con ơi, mẹ cũng một lòng như con".

II. - Liên hệ giữa con người với thiên nhiên

\* Thiên nhiên, thời tiết :

- "Én bay thấp mưa ngập bờ ao, én bay cao mưa rào lại tạnh".

- "Mặt trời có quầng thì nắng, mặt trăng có tán thì mưa".

- "Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa".

\* Nông nghiệp :

- "Đất thiếu thì trồng dưa, đất thừa thì trồng đậu".

- "Lúa chiêm lấp ló đầu bờ, hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên".

- "Muốn cho lúa nảy bông to, cày sâu, bừa kỹ, phân tro cho nhiều".

**B/ Thành ngữ**

Thành ngữ là những tập hợp từ ngắn gọn, có ý nghĩa của người xưa được lưu truyền lại.

Tuy thành ngữ là những tập hợp từ ngắn gọn, nhưng nó có công dụng làm cho lời nói thêm phần văn vẻ, ý nhị, sinh động.

Vài ví dụ:

\* Thời gian qua nhanh :

- "Bóng câu qua cửa sổ".
- "Thời giờ thấm thoát trôi đi".

\* Cuộc đời gian truân, lận đận :

- "Ba chìm bảy nổi".
- "Ăn đĩnh ngủ chợ".

\* Nghèo nàn, khổ sở :

- "Minh trần thân trụ".
- "Khố rách áo ôm".

\* Gian nan, nguy hiểm :

- "Lên thác xuống ghềnh".
- "Lên đèo xuống ải".

\* Làm ăn vất vả :

- "Đổ mồ hôi sôi nước mắt".
- "Cổ cày vai bừa".

\* Vô ơn, bạc nghĩa :

- "Ăn cháo đá bát".



- "Bạc như vôi".

\* Nhiều tiền nhiều của :

- "Tiền rừng bạc bể".

- "Ruộng sâu trâu nái".

\* Kém thông minh, ngu dốt :

- "Dốt đặc cán mai".

- "Ngu như bò".

\* Độc ác, dữ tợn :

- "Bóp hầu nặn họng".

- "Hét ra lửa".

\* Sợ hãi, khiếp đảm :

- "Kinh hồn bạt vía".

- "Rợn tóc gáy".

\* Cứng quyết :

- "Một liều ba bảy cũng liều".

- "Một sống một chết".

\* Nghi ngờ :

- "Một mất mười ngờ".

- "Một ngờ mười tội".

\* Tức tối :

- "Tức nước vỡ bờ".

- "Tức lộn ruột".

\* Tham lam :

- "Lòng tham không đáy "
- "Tham vàng bỏ ngãi "

\* Căm giận :

- "Căm gan tím mật "
- "Cả giận mất khôn "

\* Thái độ khinh người :

- "Coi người bằng nửa con mắt "
- "Coi người như rơm như rác "

\* Hành động của kẻ tiểu nhân :

- "Ném đá giấu tay "
- "Ngậm máu phun người "

\* Trở tráo :

- "Mặt dày mày dạn "
- "Trở tráo như gáo múc dầu "

\* Vùng đất cằn cỗi, nghèo khổ :

- "Chó ăn đá, gà ăn muối "
- "Khỉ ho, cò gáy "

\* Quan hệ khăng khít, thân thiết :

- "Cùng hội cùng thuyền "
- "Cùng nong cùng né "

\* Người không rõ lai lịch tung tích, sống vất vưởng nơi đất khách quê người :

- "*Cha cǎng chú kiết*".
- "*Cha chài chú chóp*".

\*

\* *Thành ngữ và từ ngữ*, tuy có số lượng từ khác nhau, nhưng thành ngữ và từ ngữ có một điểm giống nhau là diễn đạt một ý. Nói một cách khác: Thành ngữ là những tập hợp từ có ý nghĩa như những từ.

Ví dụ 1:

- *giàu* là một từ ngữ; *tiền rủng bạc bể* là một thành ngữ; cả hai có cùng một ý nghĩa là *có nhiều tiền của*.

Ví dụ 2:

- *ngu* là một từ ngữ; *dốt đặc cán mai* là một thành ngữ; cả hai có cùng một ý nghĩa là *kém thông minh*.

\* *Tục ngữ và thành ngữ giống nhau* ở chỗ hình thành từ dân gian và được lưu truyền trong dân gian.

\* *Tục ngữ và thành ngữ khác nhau* ở chỗ:

a/- Hình thái của một câu tục ngữ là một câu ngắn gọn, có ý nghĩa khuyên nhủ, nhận xét hay bày tỏ tình nghĩa.

Ví dụ:

- "*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*". (khuyên nhủ).
- "*Khi yêu trái ấu cũng tròn, khi ghét bờ-hòn cũng méo*". (nhận xét).

- "Ba đồng một khúc cá buôi, cũng mua cho đặng để nuôi mẹ già". (tình nghĩa).

b/- Hình thái của một thành ngữ là một tập hợp từ, có ý nghĩa khái quát, ẩn tượng, gây cảm giác mạnh.

Ví dụ:

- "Lá ngọc cành vàng".
- "Thân tàn ma dại".
- "Bầm gan tím mật".

Thành ngữ Việt Nam được lưu truyền trong dân gian qua nhiều vùng, qua nhiều thế hệ, nên không biết được nguồn gốc từ đâu, không biết được tác giả là ai. Một số rất ít thành ngữ biết được nơi xuất xứ, nhưng không biết được tác giả là ai.

Ví dụ:

"Vắng như chùa Bà Đanh".

Chùa Bà Đanh xây dựng vào thời vua Lê Thánh Tông (1460-1479) ở làng Thụy Chương; ngày nay là Thụy Khuê thuộc Hà Nội. Vì chùa Bà Đanh xây dựng vào một nơi hẻo lánh nên ít người thăm viếng.

Một đặc điểm khác nữa là thành ngữ đôi khi thay đổi theo ngôn ngữ địa phương.

Vài ví dụ:

- Tai vách mạch *dừng*                      ⇐==⇒ Tai vách mạch *rừng*.
- Chuột sa *chính mỗ*                      ⇐==⇒ Chuột sa *hũ nếp*.

- Chọn *mặt gửi vàng*      ⇨ == ⇩ Chọn *người gửi*  
*của.*

- Ăn cháo *đái bát*      ⇨ == ⇩ Ăn cháo *đá bát.*

Ngày xưa, ở nông thôn không có trường dạy học. Nhờ những câu tục ngữ, thành ngữ, quần-chúng có được một số kiến-thức thực-dụng để biết cách làm ăn, sinh sống; biết cách cư xử với mọi người trong gia-đình, ngoài xã-hội.

ă ă ă